

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v: tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản và tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Sum

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Ban, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tiền hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 123/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trương Việt C, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: ấp M1, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: bà Trần Kim T, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: ấp M2, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Trương Việt C trình bày: Vào tháng 9 năm 2019 ông C có cho bà T mượn số tiền 10.000.000đ và có tham gia chơi 03 chân hụi do bà T làm chủ hụi gồm 01 chân 1.000.000đ và 2 chân 2.000.000đ. Ông C đã đóng hụi cho bà T được 06 lần với số tiền trên 24.000.000đ thì bà T đình hụi. Sau khi đình hụi thì bà T có viết biên nhận nợ giao cho ông C giữ và hứa đến ngày 30/8/2020 sẽ trả trước cho ông C 10.000.000đ, số còn lại sẽ trả dần cho ông C nhưng cho đến nay thì bà T không thực hiện việc trả nợ cho ông C. Nay ông C yêu cầu bà T trả cho ông C số tiền mượn là 10.000.000đ, tiền hụi là

30.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ, ông C không yêu cầu bà T trả tiền lãi đối với số tiền mà bà T đã mượn.

Theo bị đơn – bà Trần Kim T trình bày: vào ngày 10/7/2019 âm lịch, bà T có vay ông C 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2.000.000đ/tháng, hai bên không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Đồng thời ông C có tham gia chơi 3 chân hụi do bà T làm chủ hụi và các chân hụi đều đóng được 6 lần. Cụ thể: chân hụi 1.000.000đ khai ngày 30/7/2019 âm lịch, lần thứ nhất đóng 800.000đ, lần hai đóng 700.000đ, lần thứ ba đóng 650.000đ, lần thứ tư đóng 630.000đ, lần thứ năm đóng 580.000đ, lần thứ sáu đóng 370.000đ, đối với chân hụi 2.000.000đ khai ngày 10/8/2019 âm lịch thì ông C tham gia hai chân và đóng được 06 lần gồm: lần thứ nhất đóng mỗi chân 1.600.000đ, lần thứ hai đóng mỗi chân là 1.550.000đ, lần thứ ba đóng mỗi chân là 1.350.000đ, lần thứ tư đóng mỗi chân là 1.330.000đ, lần thứ năm đóng mỗi chân là 1.250.000đ, lần thứ sáu đóng mỗi chân là 1.100.000đ. Tổng số tiền hụi mà ông C đóng cho bà T là 20.090.000đ, tuy nhiên, do ông C trừ tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000đ, trong thời hạn 6 tháng là 12.000.000đ và bà T trả lãi thêm cho ông C số tiền 1.100.000đ. Do vậy, tiền hụi mà bà T thiếu lại ông C chỉ còn 6.990.000đ. Nay bà T chỉ đồng ý trả cho ông C 10.000.000đ tiền vay và tiền hụi làm tròn là 7.000.000đ, tổng cộng là 17.000.000đ. Sau khi bà T đình hụi thì bà T có viết biên nhận nợ giao cho ông C giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trương Việt C khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim T trả số tiền mà trước đó bà T đã mượn của ông C và yêu cầu bà T hoàn trả lại tiền hụi cho ông C, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi theo quy định của Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Việt C về việc yêu cầu bị đơn Trần Kim T trả lại số tiền mà bị đơn mượn của nguyên đơn là 10.000.000đ và tiền hụi mà bị đơn còn thiếu là 30.000.000đ. Nguyên đơn có xuất trình cho Tòa án giấy thiếu tiền hụi và tiền mượn. Tại bản chính giấy thiếu tiền hụi và tiền mượn do phía ông C cung cấp thể hiện người thiếu tiền hụi và tiền mượn của ông C có tên là “Nguyễn Thanh T”. Tuy nhiên, bị đơn Trần Kim T thừa nhận chính bà là viết giấy thiếu tiền hụi và tiền mượn với số tiền còn thiếu tổng cộng là 40.000.000đ gồm 10.000.000đ tiền mượn và 30.000.000đ tiền hụi với tên là “Nguyễn Thanh T” và ký tên, việc bà Trần Kim T ghi tên Nguyễn Thanh T là do phía nguyên đơn không biết rõ họ tên của bà nên mới yêu cầu bà ghi tên Nguyễn Thanh T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn khẳng định có vay tiền

của nguyên đơn với số tiền là 10.000.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với số tiền hui mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 30.000.000đ nhưng bị đơn cho rằng chỉ còn thiếu nguyên đơn 6.990.000đ và chỉ đồng ý trả số cho nguyên đơn tiền hui làm tròn là 7.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn thừa nhận chính bị đơn là người viết và ký tên giấy thiếu tiền hui và tiền mượn của nguyên đơn với số tiền hui còn thiếu là 30.000.000đ. Nay bị đơn nại ra rằng nguyên đơn chỉ đóng cho bị đơn 6 lần hui với tổng số tiền là 20.090.000đ, sau khi trừ tiền lãi mà bị đơn phải đóng lại cho nguyên đơn thì thực chất bị đơn chỉ nhận của nguyên đơn 6.990.000đ tiền hui, việc ghi nợ tiền hui là 30.000.000đ là do bị nguyên đơn ép buộc nhưng phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ghi nợ tiền hui 30.000.000đ là do bị ép buộc, đồng thời cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chỉ nhận của nguyên đơn 6.990.000đ tiền hui. Lời khai của người làm chứng tại phiên tòa chỉ thể hiện thấy bị đơn đưa tiền cho nguyên đơn chứ không rõ tiền gì và giá trị là bao nhiêu nên không có cơ sở xem xét việc nguyên đơn ép buộc bị đơn ghi biên nhận nợ với nội dung bị đơn nợ nguyên đơn 30.000.000đ tiền hui như bị đơn trình bày. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại tiền hui 30.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 20.000.000đ tiền hui, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn cho rằng bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn là 13.100.000đ do hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000.000đ/tháng đối với số tiền vốn vay 10.000.000đ, tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho nguyên đơn cao hơn so với quy định của pháp luật nên không có cơ sở xem xét.

[4] Do bị đơn Trần Kim T có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, Điều 150, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự Bộ luật, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Việt C

Khi án có hiệu lực pháp luật, buộc bị đơn Trần Kim T phải trả cho nguyên đơn Trương Việt C tổng số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) gồm 10.000.000đ (mười triệu đồng) vốn vay và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền hui.

Thời gian trả và cách trả được giải quyết tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: bà Trần Kim T phải nộp 1.500.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ. Ông Trương Việt C được nhận lại 1.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 017762 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- Lưu HS (2b).

Nguyễn Thị Thu An